TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 01 - 2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Ngọc Đức
2.Ông Lương Anh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình *tham gia phiên toà:* Không.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX - ST ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S – Sinh năm 1992. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T – Sinh năm 1989. Vắng mặt

Cùng cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Hoàng Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24-9-2012 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11-2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác anh T nghe gia đình nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên có đánh đập, chửi bới chị. Mẫu thuẫn trầm trọng từ tháng 6-2018, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 7, xã B, huyện Y sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với

anh T không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về nuôi con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 08-5-2013 và Trần Hoàng Thảo M, sinh ngày 04-3-2015. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng Thảo M và giao cháu Trần Bảo N cho anh Tâm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị Sinh đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9-2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, anh đi làm ăn xa, khi về nhà có nghe thấy gia đình, bạn bè bàn tán về mối quan hệ của chị S với người đàn ông khác nên giữa hai bên có xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Giữa hai vợ chồng đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 6-2018 chị S về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay, chị S xin ly hôn anh không nhất trí vì anh theo đạo Thiên chúa giáo nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị S trình bày là đúng. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N và giao cháu Trần Hoàng Thảo M cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn - anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Hoàng Thị S và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 24-9-2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S và anh T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thiếu sự tin tưởng. Mặc dù, hai bên đã tự hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6-2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T không nhất trí ly hôn vì anh theo đạo Thiên chúa giáo và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị S là chính đáng và có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Hoàng Thị S được ly hôn anh Trần Văn T.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Hoàng Thị S và anh Trần Văn T đều xác định vợ chồng có hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 08-5-2013 và Trần Hoàng Thảo M, sinh ngày 04-3-2015. Chị S và anh T thỏa thuận giao cháu Trần Bảo N cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hoàng Thảo M cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận

[4] *Về chia tài sản, nợ chung:* Chị S và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. *Về hôn nhân*: Chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 08-5-2013 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hoàng Thảo M, sinh ngày 04-3-2015 cho chị Hoàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0001811 ngày 07-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (Chị S đã nộp đủ án phí).

Chị Hoàng Thị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THA dân sự huyện Yên Bình;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Y ;
- L- u HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga